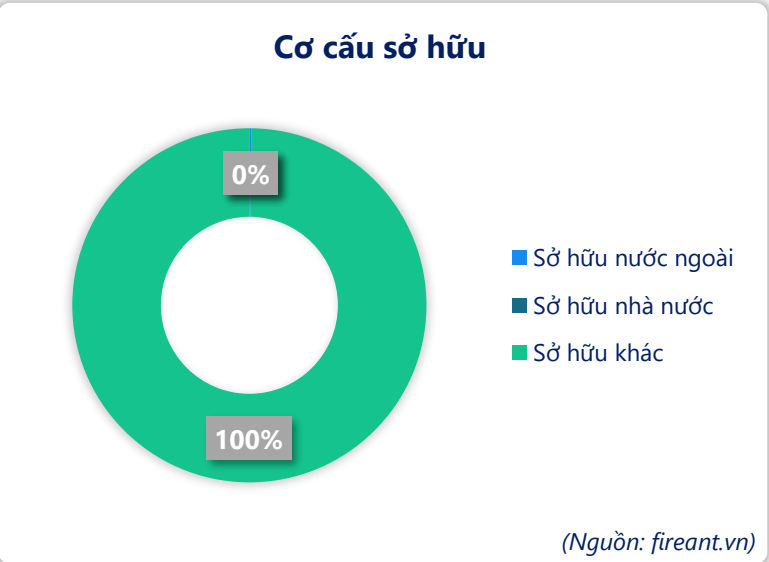
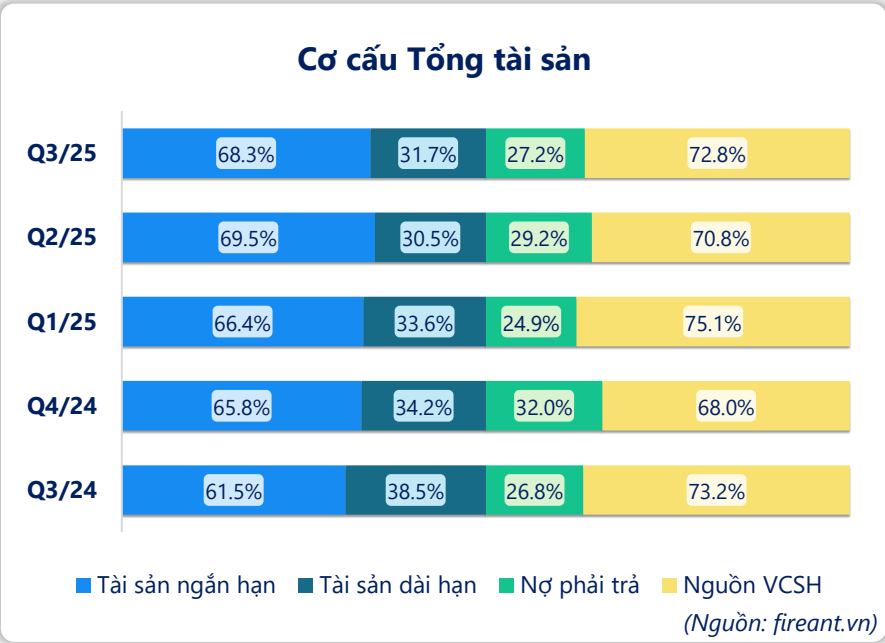
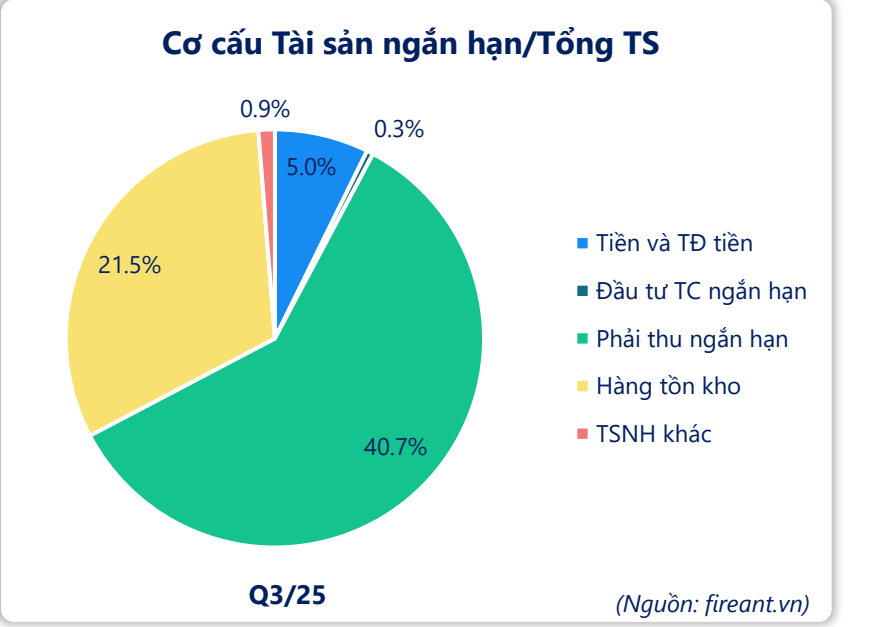
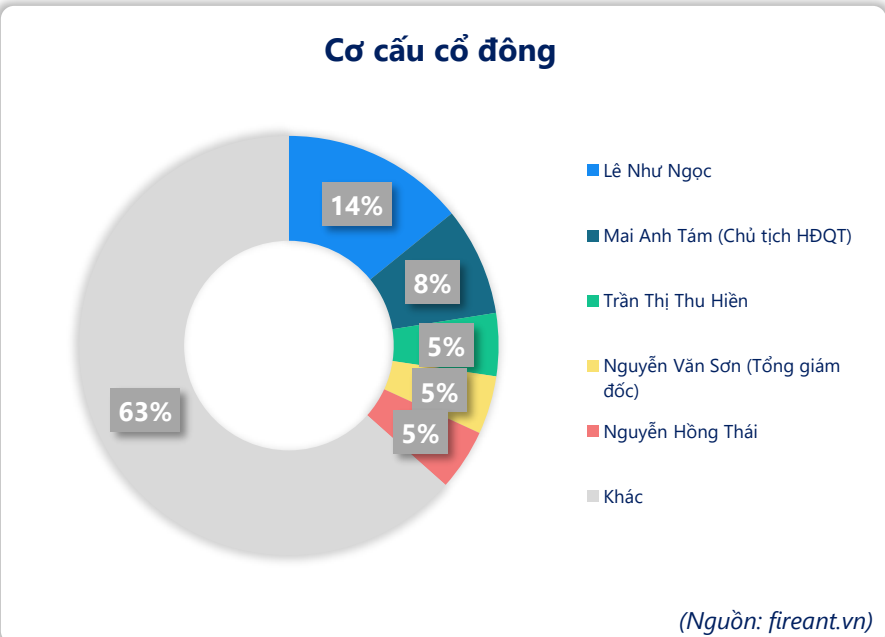
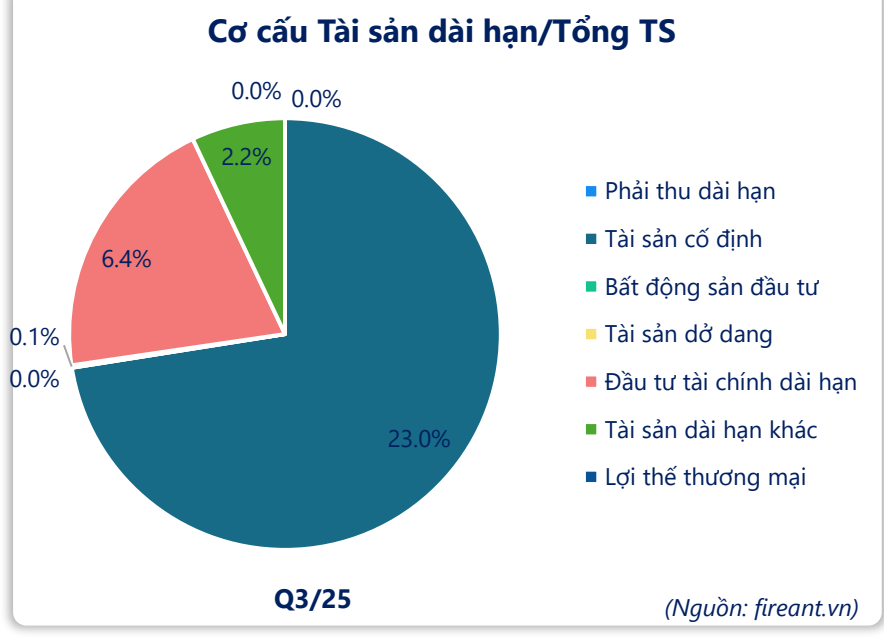
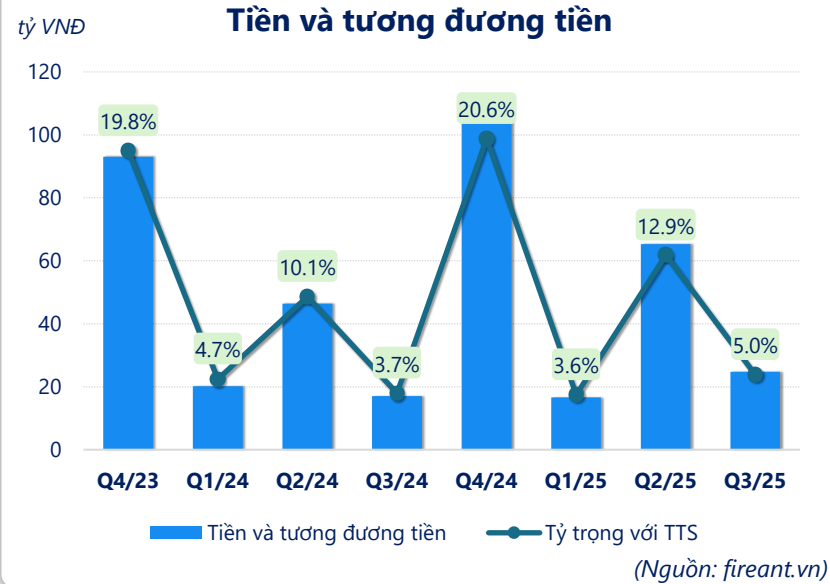
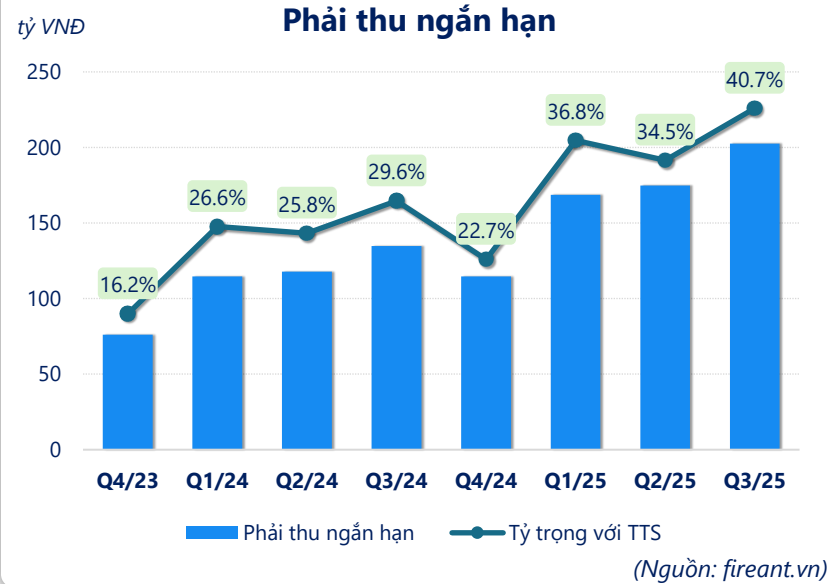
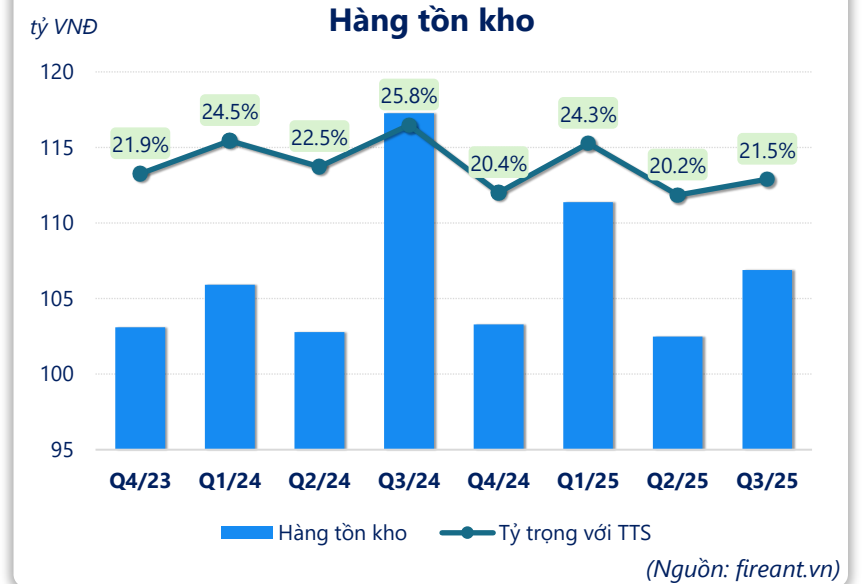
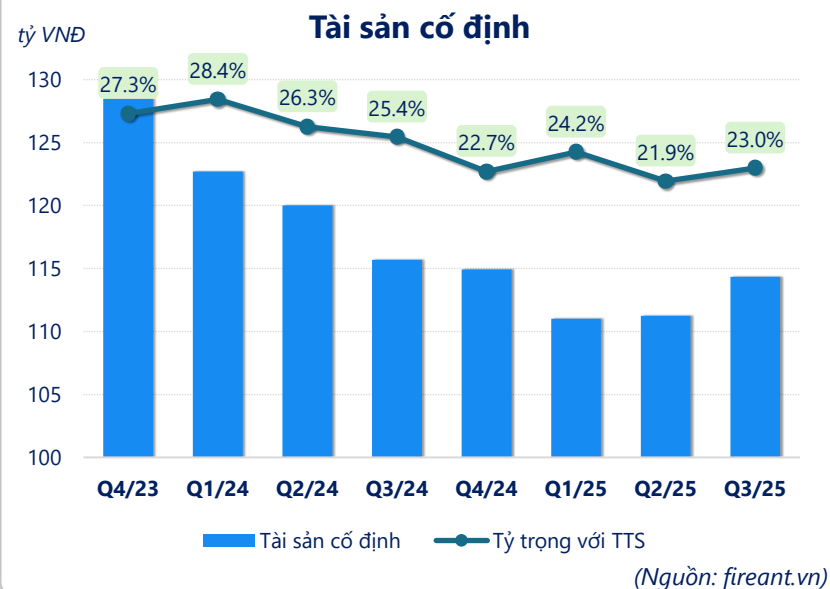
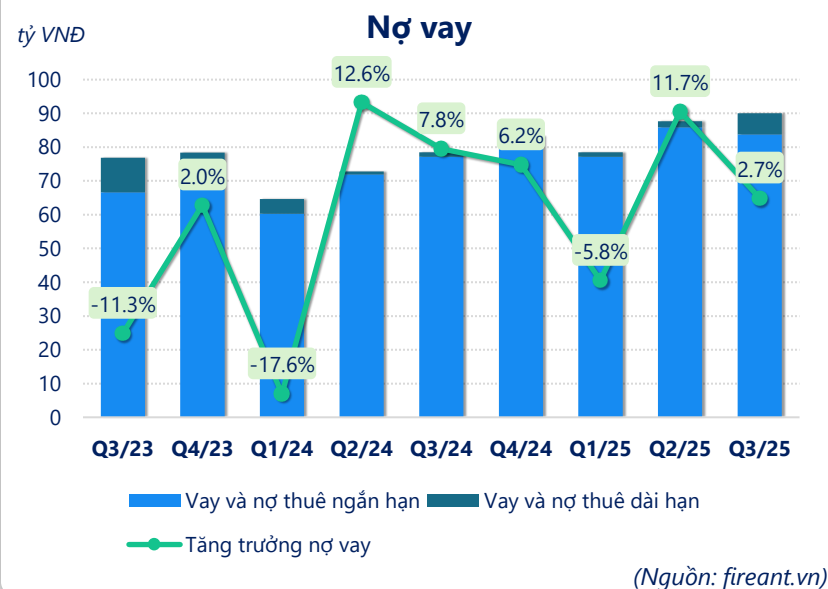
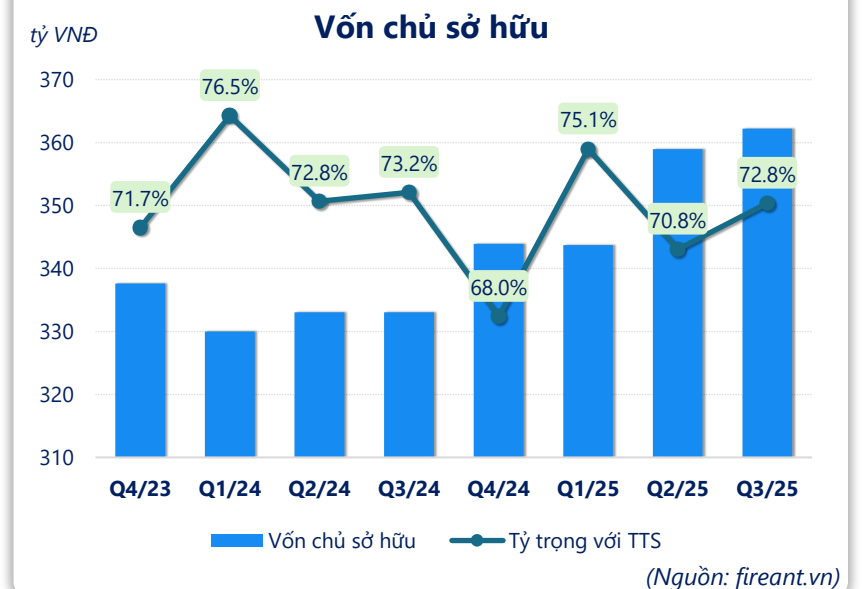
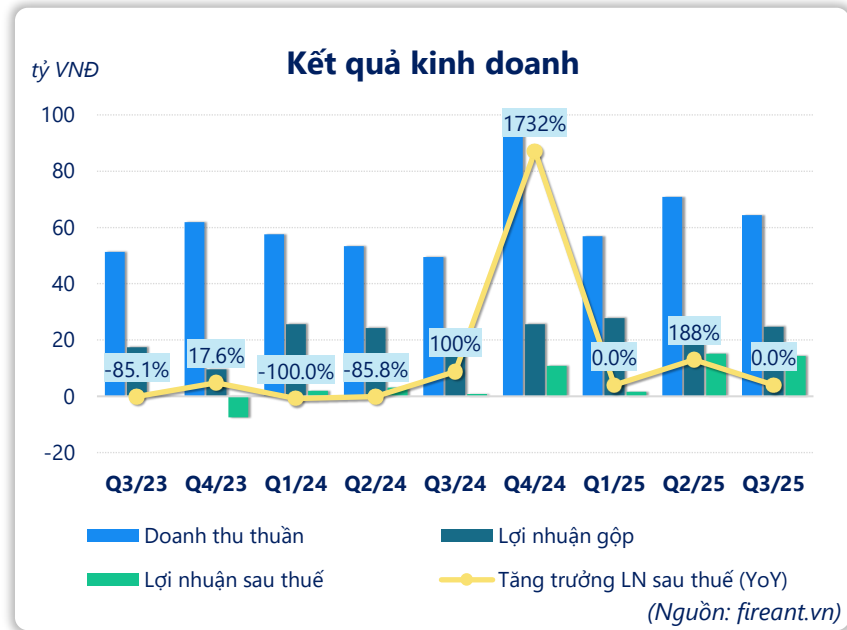
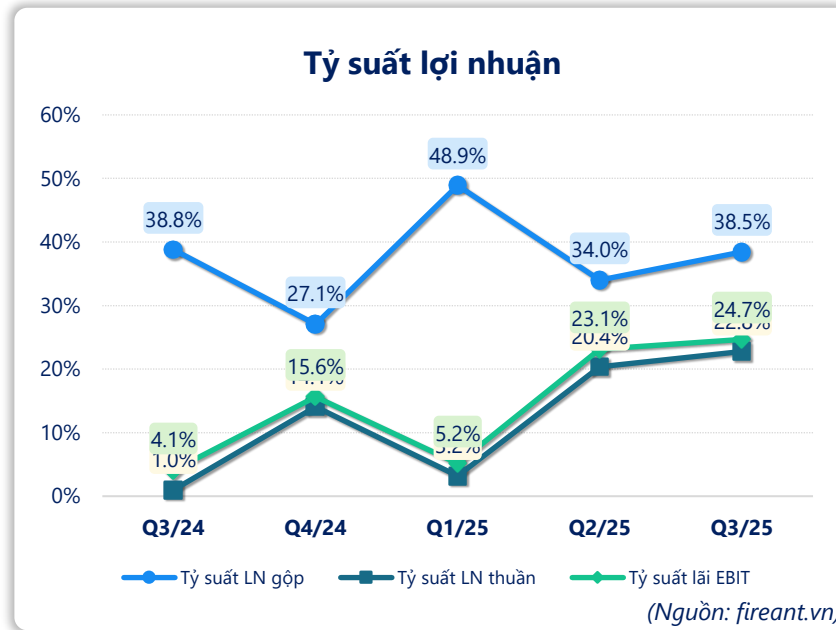
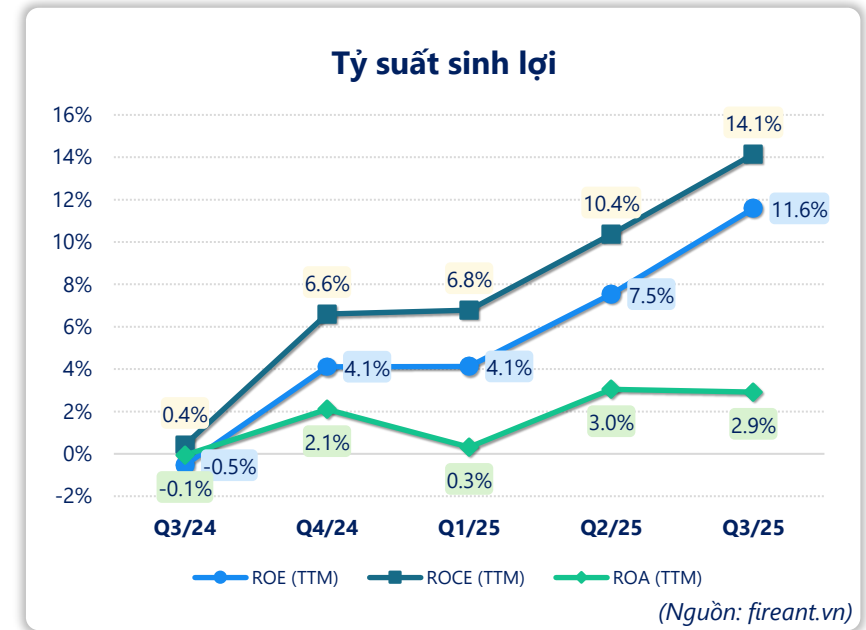
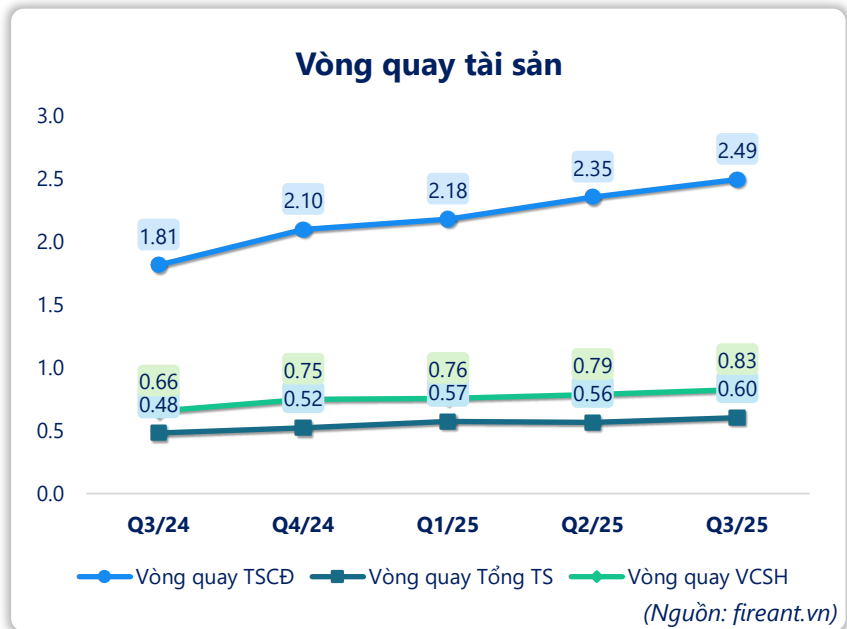
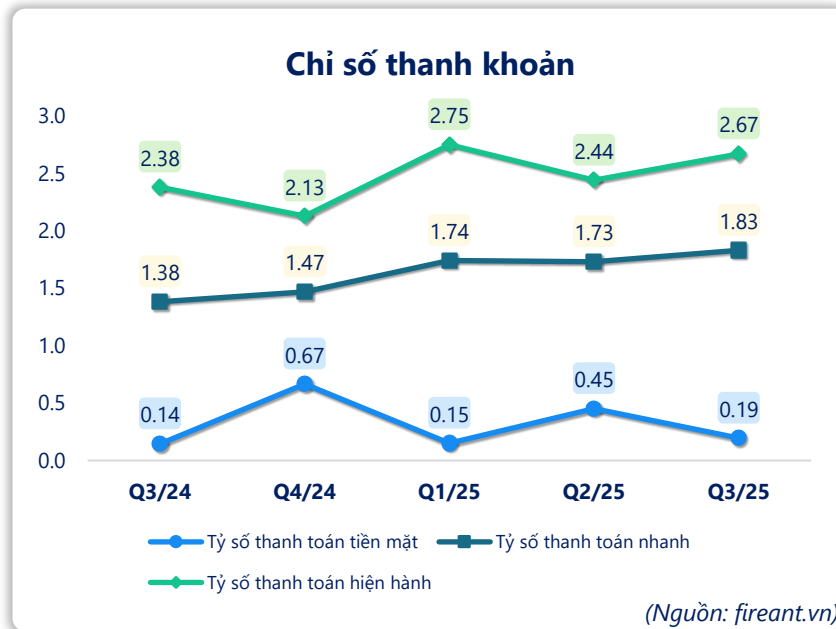
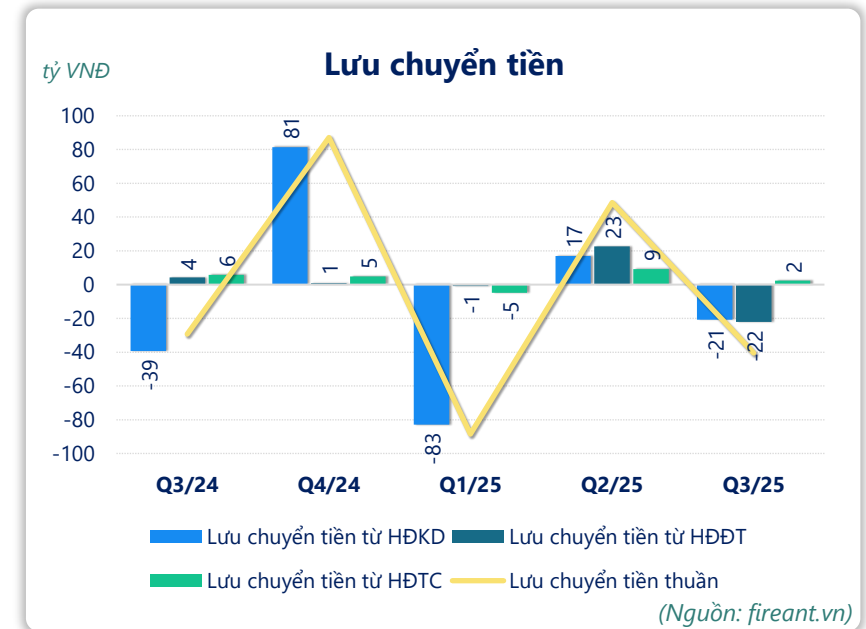


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		27,599,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,410
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		166
P/E		4.1
EPS		1,459

	YTD	1T	3T	6T
HDA	57.9%	-4.8%	36.4%	17.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	498	501	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	340	327	4.0%
Tiền và tương đương tiền	24.7	105	-76.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.73	1.70	1.9%
Phải thu ngắn hạn	202	105	92.6%
Hàng tồn kho	107	111	-3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.32	4.32	0.1%
Tài sản dài hạn	158	174	-9.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	114	115	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.1	14.2	-22.1%
Lợi thế thương mại	0	12.8	-100%
Nợ phải trả	136	158	-14.1%
Nợ ngắn hạn	127	154	-17.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	83.7	82.0	2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.4	45.3	-37.3%
Nợ dài hạn	8.12	4.15	95.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.26	1.33	373%
Nguồn vốn chủ sở hữu	362	343	5.6%
Vốn chủ sở hữu	362	343	5.6%
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	49.5	94.8	56.9	70.9	64.4
Giá vốn hàng bán	30.3	69.2	29.1	46.8	39.6
Lợi nhuận gộp	19.2	25.7	27.8	24.1	24.8
Doanh thu HĐTC	0.00	0.64	0.03	12.3	12.3
Chi phí TC	1.25	1.07	0.94	1.81	1.04
Chi phí lãi vay	1.25	1.07	0.94	1.81	1.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.7	12.2	19.5	13.8	14.4
Chi phí QLDN	5.74	-0.35	5.57	6.37	6.98
LN thuần từ HĐKD	0.49	13.3	1.81	14.4	14.7
Lợi nhuận khác	0.28	0.42	0.18	0.14	0.18
LN trước thuế	0.77	13.8	1.99	14.6	14.8
Lợi nhuận sau thuế	0.77	10.8	1.61	15.2	14.4
LNST của CĐ cty mẹ	-0.28	10.3	1.43	14.7	13.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.3	81.4	-82.8	16.9	-20.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.27	0.87	-0.81	22.5	-22.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.70	4.84	-4.84	9.16	2.38
Tiền đầu kỳ	46.4	17.0	105	16.6	65.3
Lưu chuyển tiền thuần	-29.3	87.1	-88.5	48.6	-40.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.0	104	16.6	65.3	24.7

(Nguồn: fireant.vn)